TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-ST
Ngày: 16/4/2018
V/v tranh chấp dân sự, vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Trần Tuyền Trinh;

2. Ông Trương Quang Trung.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2017/ TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc "*tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12//2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mai H, sinh năm 1971; địa chỉ: tổ 31, ấp VL, xã CP, thị xã TC, tỉnh An Giang.

2. Đồng bị đơn: Ông Huỳnh Văn H1, sinh năm 1968 và bà Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: tổ 11, ấp MT, xã VC, thành phố CĐ.

Bà H có mặt tại phiên tòa; ông H1 và bà N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14/7/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Võ Thị Mai H trình bày: Ngày 01/12/2014 (ngày 10/10 âl/2014), bà H cho ông Huỳnh Văn H1 và bà Lê Thị Ngọc N vay 110.000.000 đồng, mục đích để nhận cố đất, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, lãi 3.300.000 đồng/tháng, có lập biên nhận do bà N ký tên. Quá trình

vay, bà N có trả lãi được 04 tháng x 3.300.000 đồng = 13.200.000 đồng. Ngưng trả lãi vào ngày 28/4/2015 (ngày 10/3 âl/ 2015). Đến ngày 03/5/2015 (ngày 15/3âl/2015), bà N có trả vốn được 30.000.000 đồng. Đến nay, không trả vốn, lãi.

Bà H yêu cầu ông H1, bà N trả vốn 80.00.000 đồng và lãi theo quy định từ ngày 01/3 âl/2015 cho đến khi thi hành án xong. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H rút lại yêu cầu đối với ông H1 do không có chứng cứ chứng minh việc ông H1 có cùng bà N vay 110.000.000 đồng. Bà H yêu cầu bà N có trách nhiệm trả cho bà vốn 80.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà H cung cấp bản chính tờ "Xác nhận" ngày 10/10 âl/ 2014.

- *Theo biên bản lấy lời khai của bà Lê Thị Ngọc N ngày 24/01/2018, bà N trình bày:* Năm 2014, bà N có vay của bà Võ Thị Mai H nhiều lần, tổng cộng 70.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 8%/tháng. Sau khi vay, bà N có trả lãi đầy đủ và trả vốn hai lần được 40.000.000 đồng (30.000.000 đồng và 10.000.000 đồng), ngưng trả lãi từ tháng 07/2017 cho đến nay. Bà N xác định chữ ký trong tờ "Xác nhận" ngày 10/10 âl/2014 thể hiện nội dung bà N có vay của bà H 110.000.000 đồng là chữ ký của bà, nhưng thực tế bà N chỉ vay 70.000.000 đồng, tờ "Xác nhận" ngày 10/10 âm lịch năm 2014 là do bà H viết, nội dung thể hiện số tiền vay 110.000.000 đồng là không đúng. Khi vay tiền, chỉ có bà N và bà H biết, ông H1 không vay tiền của bà H. Ngoài lời khai, bà N không có chứng cứ chứng minh chỉ vay 70.000.000 đồng và đã trả vốn 40.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi đã trả mỗi tháng 8% có bà Lê Thị Bích Thuận (ở xã Châu Phong) biết. Bà N xác nhận còn nợ bà H vốn 30.000.000 đồng, yêu cầu điều chỉnh lãi suất đối với số tiền lãi đã trả, không có khả năng trả vốn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án lập biên bản không tiến hành đối chất, hòa giải,; kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ do bà N, ông H1 đã được triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng có mặt. Tòa án ban hành các thông báo số 10/TB-TA ngày 23/02/2018 về việc cung cấp, bổ sung tài liệu, chứng cứ cho bà Lê Thị Ngọc N biết trong thời hạn 15 ngày để có ý kiến; thông báo số 02/TB-TA ngày 10/3/2018 về việc thu thập, tài liệu chứng cứ cho bà N biết trong thời hạn 10 ngày để có ý kiến và tống đạt niêm yết văn bản tố tụng, nhưng bà N không ý kiến.

Tại phiên tòa, bà H khai không nhớ ngày có cho bà N vay nhiều lần 110.000.000 đồng, N viết biên nhận ngày 01/12/2014 (10/10âl/2014), trả lãi được 13.200.000 đồng, ngưng lãi ngày 28/4/2015 (10/10âl/2014) ngày 03/5/2015 bà N trả vốn 30.000.000 đồng, yêu cầu bà N trả vốn 80.000.000 đồng; rút yêu cầu đối với ông Huỳnh Văn H1.

Bà N và ông H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong qúa trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Giải quyết vụ án: Chứng cứ trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa, hợp đồng vay tài sản giữ bà H và bà N được giao kết trên cơ sở tự nguyện, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bà N khai vay tiền của bà H với lãi suất 8%/ tháng vượt quá so quy định của pháp luật nhưng không có chứng cứ chứng minh, bà H không thừa nhận, không có căn cứ xem xét. Bà H khởi kiện yêu cầu bà N trả 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất từ ngày 15/3âl/2015 là có lợi cho bị đơn, chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Ngày 22/02/2018, bà H có lời khai và tại phiên tòa rút yêu cầu đối với ông H1. Đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Bà Võ Thị Mai H khởi kiện tranh chấp dân sự vay, tài sản với ông Huỳnh Văn H1 và bà Lê Thị Ngọc N, cùng địa chỉ: tổ 11, ấp MT, xã VC, thành phố CĐ, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 01/12/2014, bà H cho bà N vay 110.000.000 đồng, ngưng trả lãi vào ngày 28/4/2015. Đến ngày 03/5/2015, bà N có trả vốn được 30.000.000 đồng. Ngày 18/7/2017, bà H khởi kiện tranh chấp dân sự vay tài sản nên còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Ông Huỳnh Văn H1 và bà Lê Thị Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Vốn vay:

Bà H có cho bà N vay nhiều lần 110.000.000 đồng, cung cấp giấy "xác nhận" ngày 10/10 âl/2014, nội dung Lê Thị Ngọc N có mượn tiền của Út H 110.000.000 đồng, có chữ ký của bà N và ghi họ tên, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, mỗi tháng trả lãi 3.300.000 đồng. Ngày 03/5/2015 (ngày

15/3âl/2015), bà N đã trả vốn 30.000.000 đồng. Bà H yêu cầu bà N trả vốn 80.000.000 đồng.

Biên bản lấy lời khai của bà Lê Thị Ngọc N ngày 24/01/2018, bà N được xem bản chính "tờ xác nhận" do bà H cung cấp và khai đúng là chữ ký và ghi họ tên của bà N. Bà N cho rằng, thực tế bà có vay tiền nhiều lần của bà H, tổng cộng 70.000.000 đồng, đã trả vốn được 40.000.000 đồng, còn nợ bà H 30.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ngoài lời khai bà N, bà N không cung cấp chứng cứ chứng minh nào khác cho khoản nợ vay và trả vốn. Xét, chấp nhận lời khai của bà H có cho bà N vay 110.000.000 đồng, bà N có trả vốn được 30.000.000 đồng, còn nợ vốn 80.000.000 đồng.

[2] Tiền lãi:

Biên bản lời khai ngày 24/01/2018, bà Lê Thị Ngọc N khai đã trả lãi đầy đủ cho bà H với lãi suất 8%/tháng đến tháng 7/2017 thì ngưng. Việc trả lãi có bà Lê Thị Bích T biết. Tòa án đã ban hành Thông báo số 10/TB-TA ngày 23/02/2018, yêu cầu bà N cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời khai đã trả lãi đủ cho bà H với lãi suất 8%/tháng đến tháng 7/2017 và cung cấp thông tin cụ thể của bà Lê Thị Bích T để Tòa án ghi nhận lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng cần thiết, nhưng bà N không có ý kiến và không chứng minh được số tiền lãi đã trả nêu trên cho bà H. Bà N yêu cầu điều chỉnh lãi suất là không có cơ sở chấp nhận.

Bà H khai, bà N có trả lãi được 04 tháng x 3.300.000 đồng = 13.200.000 đồng, ngưng trả lãi ngày 28/4/2015 (ngày 10/3 âl/ 2015). Nếu điều chỉnh lãi suất tính từ ngày 28/4/2015 (ngày 10/3 âl/ 2015) đến ngày 16/4/2018 (80.000.000 đồng x 1,125% x 35 tháng 18 ngày/30 = 32.040.000 đồng) sẽ cao hơn. Bà H không yêu cầu tính lãi suất là có lợi cho cho bị đơn, xét chấp nhận.

[3] Buộc bà Lê Thị Ngọc N có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Mai H 80.000.000 đồng (tám mươi triệu) đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà H rút yêu cầu ông H1 có trách nhiệm trả nợ cho bà. Xét, đình chỉ một phần yêu cầu giải quyết theo điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí, bà N phải chịu 4.000.000 đồng án phí án phí dân sự sơ thẩm (đối với số tiền 80.000.000 đồng).

Bà H được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, 217, 218, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mai H;

Buộc bà Lê Thị Ngọc N có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Mai H *80.000.000 đồng (tám mươi triệu) đồng*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mai H đối với ông Huỳnh Văn H1.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Ngọc N phải chịu *4.000.000 (bốn triệu) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị Mai H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà H *2.000.000 (hai triệu) đồng* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2015/0014917 ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông H1, bà N là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Bạch Tuyết